



Tuần 35 (29/08-02/09/22) BSC WEEKLY REVIEW

*Dự báo danh mục ETF FTSE Vietnam
và ETF VNM Quý 3 năm 2022*



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Thận trọng trước áp lực chốt lãi tại ngưỡng tâm lý 1,300 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *Giao dịch qua đêm sôi động hơn so với tuần trước*
4. PTKT VN-INDEX: *Thận trọng khi VN-Index tiến về tâm lý 1,300 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *Trung Quốc tiếp tục nới lỏng CSTT*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông 11.18%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Các ETF giao dịch trái chiều*
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Thận trọng trước áp lực chốt lãi tại ngưỡng tâm lý 1,300 điểm*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1282.57	1.06%
GTGD/phiên (tỷ VND)	13,299.66	-5.31%
Khối ngoại (tỷ VND)	-434.79	
HNX-INDEX	299.50	1.62%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1852.96	21.17%
Khối ngoại (tỷ VND)	-17.61	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4057.66	-3.37%	-4.04%	-1.76%
EU (EURO STOXX)	3603.68	-1.93%	-3.39%	-2.82%
China (SHCOMP)	3236.22	-0.31%	-0.31%	-0.52%
Japan (NIKKEI)	28641.38	0.57%	-1.00%	2.97%
Korea (KOSPI)	2481.03	0.15%	0.75%	1.88%
Singapore (STI)	3249.53	0.05%	0.09%	0.90%
Thailand (SET)	1644.78	0.08%	1.16%	5.90%
Phillipines (PCOMP)	6752.50	0.69%	-1.62%	6.91%
Malaysia (KLCI)	1500.29	0.32%	-0.28%	0.54%
Indonesia (JCI)	7135.25	-0.54%	-0.52%	2.56%
Vietnam (VNIndex)	1282.57	-0.49%	1.06%	6.32%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2209	1293.00	-1%	24,705	47,951
VN30F2210	1287.00	-1.52%	58	12,364
VN30F2212	1283.00	-1.82%	9	442
VN30F2203	1276.00	-2.36%	11	450

TTCK VIỆT NAM

Chỉ số vẫn đang lập đỉnh ngắn hạn trên nền giá mới

VN-Index tăng 1.06% và ghi nhận tuần tăng điểm thứ 7 liên tiếp. Vận động luân chuyển tiếp tục ghi nhận rõ ràng khi ngành bán lẻ, hóa chất, hàng cá nhân và gia dụng dẫn đầu với mức tăng lần lượt 10%, 5.1% và 2.4% trong khi các ngành Tài nguyên cơ bản, dịch vụ tài chính, y tế giảm điểm. Số ngành tăng điểm vẫn áp đảo với 14/19 ngành nhưng thị trường phân hóa mạnh với chỉ 203 cổ phiếu tăng so với 173 cổ phiếu giảm. Cuộc họp của NHNN về tăng trưởng dự năm 2022 giữa tuần qua đang cho thấy thời điểm công bố hạn mức tín dụng đang đến gần mà theo thị trường phỏng đoán có thể rơi vào 1-2 tuần đầu tháng 9. Dù vậy chúng tôi cho rằng TT đã duy trì 7 tuần tăng điểm, áp lực chốt còn tiếp tục gia tăng khi VN-Index tiến gần vùng tâm lý 1,300 điểm cũng như tâm lý chốt lãi trước kỳ nghỉ Lễ vào giữa tuần sau. Do vậy, NĐT nên giữ quan điểm thận trọng tránh mua đuổi, thực hiện chốt lãi từng phần và chờ cơ hội phù hợp khi thị trường có các nhịp điều chỉnh rõ ràng.

Tiền nhân rồi tiếp tục chảy vào hệ thống Ngân hàng nhờ lãi suất huy động liên tục tăng khiến kênh tiết kiệm hấp dẫn. Theo số liệu NHNN cập nhật cuối tháng 6/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 3.78% cùng kỳ; quy mô tiền gửi tổ chức tăng 3.61% trong khi tiền gửi cư dân tăng 6.03% yoy. Số liệu tiền gửi cư dân tăng tốt cho thấy một phần dòng tiền nóng từ các kênh đầu tư đã trú ẩn kênh tiền gửi khi lãi suất tăng. Lãi suất tiền gửi bình quân kỳ hạn 1 – 6 tháng tăng 0.1% và kỳ hạn 6 – 12 tháng tăng 0.2%. Đà tăng lãi suất sẽ chậm quý 3 khi nhiều Ngân hàng tạm thời hết dư địa tăng trưởng tín dụng tuy nhiên đà tăng sẽ mở rộng trong quý 4 khi hạn mức tín dụng được cấp. Lãi suất huy động dự báo chịu áp lực tăng vào cuối năm nằm trong chu kỳ phục hồi kinh tế và áp lực lạm phát hiện hữu.

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường chờ đợi thông điệp của tịch FED trong cuộc họp ngày 26/8

Trước các thông tin vĩ mô trái chiều và chờ đợi quan điểm chủ tịch FED tại Hội nghị Jackson Hole, TCK Hoa Kỳ và các nước phát triển không còn duy trì đà tăng mà giảm gần 2%. TTCK các nước khu vực tăng giảm trái phiếu trong biên độ hẹp. Trái ngược diễn biến tuần trước, chỉ số hàng hóa Bcom đảo chiều với mức tăng 2.2%. Hầu hết các mặt hàng trong rổ hàng hóa tăng điểm ngoại trừ giá gas và chì. USD Index cũng tăng nhẹ 0.4%. Các thị trường dù có tăng giảm trái chiều nhưng diễn biến giao dịch cầm chừng, chờ đợi thông điệp của chủ tịch FED vào ngày 26/8. Nhà đầu tư đang cố gắng tìm manh mối về việc liệu các nhà hoạch định chính sách có hạ lãi suất sau khi chu kỳ tăng lãi suất hiện nay kết thúc hay không.

Cục nghiên cứu kinh tế quốc gia Hoa Kỳ (NBER) công bố khảo sát ý kiến 198 các chuyên gia kinh tế thế giới. Kết quả cho thấy 72% nhà kinh tế học cho rằng cuộc suy thoái tiếp theo bắt đầu muộn nhất giữa năm 2023, trong đó 19% cho rằng kinh tế Hoa Kỳ thực tế rơi vào suy thoái. 73% cho rằng họ không tự tin FED hạ được lạm phát mục tiêu về 2% mà không gây suy thoái trong vòng 2 năm tới so với 13% ủng hộ. Cùng với đó, nguy cơ khủng hoảng tương tự những năm 80 đối với các nước đang phát triển vì nợ khổng lồ, lạm phát cao và nền tài chính suy yếu cũng được WB đề cập. Với nhiều quốc gia đang phát triển, rủi ro lớn nhất là lãi suất tăng vượt mức kiểm soát nhưng giá hàng hóa vẫn có thể tăng. Các điều kiện kéo theo nguy cơ “đình lạm” càng trầm trọng. WB dự báo tăng trưởng các nước đang phát triển kịch bản tiêu cực chỉ còn 2.2% năm 2022 và 2.6% năm 2023, thấp hơn kịch bản bình thường lần lượt 1.2% và 1.6%.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022

Ngày 02/09/2022, FTSE dự kiến sẽ công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, tiếp sau đó 1 tuần (07/09/2022), MVIS cũng sẽ công bố danh mục cổ phiếu thuộc chỉ số MVIS Vietnam Index.

Ngày 16/09/2022 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của các ETF tham chiếu theo các bộ chỉ số này.
Trên cơ sở dữ liệu Bloomberg, Fiinpro tại ngày 24/08/2022, BSC dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu các chỉ số này, cụ thể như sau:
- FTSE Vietnam: dự kiến sẽ thêm mới cổ phiếu SHB và KDC, đồng thời không loại bỏ cổ phiếu nào;
- MVIS Vietnam: dự kiến sẽ không thêm mới cổ phiếu nào, sẽ loại cổ phiếu CEO do không đáp ứng về điều kiện tỷ lệ sở hữu cho NĐTNN. Đối với cổ phiếu APH có thể bị loại do ở ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa 98%.

Giá trị có thể thay đổi do hệ số tỷ lệ free-float mà MVIS và FTSE áp dụng.
Trên cơ sở đó, danh mục Quỹ ETF VNM và FTSE Vietnam dự kiến thay đổi đối với các cổ phiếu Việt Nam như sau:

STT	Mã CK	MVIS Vietnam				FTSE Vietnam				Tổng		
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú
1	VHM	7.16%	8.00%	3.31	1,270,913	11.26%	10.13%	-4.45	(1,731,722)	(-1.14)	(-460,809)	
2	VIC	6.83%	7.56%	2.89	1,026,331	11.51%	7.99%	-13.87	(4,970,203)	(-10.99)	(-3,943,872)	
3	HPG	6.68%	7.00%	1.26	1,238,310	9.66%	9.70%	0.15	148,300	1.41	1,386,610	
4	MSN	6.26%	6.50%	0.95	196,367	10.29%	9.19%	-4.34	(901,781)	(-3.39)	(-705,414)	
5	NVL	6.18%	5.79%	-1.54	(430,683)	7.85%	8.29%	1.73	486,434	0.20	55,751	
6	VNM	5.20%	4.89%	-1.20	(361,858)	8.10%	8.28%	0.71	212,310	(-0.49)	(-149,549)	
7	STB	4.26%	3.94%	-1.26	(1,147,267)	2.07%	3.07%	3.96	3,621,658	2.70	2,474,391	
8	VCB	3.45%	3.29%	-0.65	(185,563)	4.42%	5.43%	3.96	1,124,052	3.31	938,489	
9	VJC	3.27%	3.01%	-1.03	(196,210)	2.89%	4.25%	5.35	1,008,027	4.32	811,816	
10	DGC	2.16%	2.64%	1.89	450,737	2.49%	2.79%	1.17	286,500	3.06	737,237	
11	VRE	2.37%	2.31%	-0.22	(179,402)	4.59%	3.37%	-4.79	(3,893,582)	(-5.01)	(-4,072,984)	
12	SSI	2.31%	2.18%	-0.50	(457,614)	3.91%	3.38%	-2.09	(1,924,238)	(-2.59)	(-2,381,852)	
13	KBC	1.96%	1.90%	-0.25	(154,147)	1.86%	2.21%	1.39	869,422	1.14	715,275	
14	VND	1.81%	1.71%	-0.41	(417,349)	1.94%	2.67%	2.86	2,939,772	2.45	2,522,423	
15	PDR	1.35%	1.24%	-0.45	(186,511)	2.68%	1.94%	-2.93	(1,207,250)	(-3.38)	(-1,393,761)	
16	IDC	1.31%	1.19%	-0.48	(168,881)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.48)	(-168,881)	
17	GEX	1.24%	1.15%	-0.34	(308,879)	1.54%	1.66%	0.46	417,484	0.12	108,605	
18	THD	1.32%	1.12%	-0.77	(314,340)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.77)	(-314,340)	
19	SAB	1.07%	1.05%	-0.06	(7,393)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.06)	(-7,393)	
20	DXG	1.27%	1.00%	-1.06	(877,829)	1.22%	1.74%	2.05	1,678,931	0.99	801,101	
21	VCI	0.98%	1.00%	0.08	48,325	1.61%	1.49%	-0.47	(286,635)	(-0.39)	(-238,310)	
22	SHB	0.96%	0.92%	-0.16	(230,986)	0.00%	1.62%	6.39	9,498,053	6.24	9,267,066	FTSE thêm mới
23	DIG	1.05%	0.92%	-0.52	(304,749)	1.49%	1.86%	1.46	858,196	0.94	553,447	

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022

STT	Mã CK	MVIS Vietnam				FTSE Vietnam				Tổng		
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú
24	SHS	0.83%	0.85%	0.07	112,803	0.00%	0.00%	0.00	-	0.07	112,803	
25	VHC	0.81%	0.83%	0.06	15,680	0.00%	0.00%	0.00	-	0.06	15,680	
26	HUT	0.84%	0.82%	-0.09	(67,929)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.09)	(-67,929)	
27	KDC	0.78%	0.77%	-0.04	(13,612)	0.00%	1.18%	4.65	1,612,053	4.61	1,598,441	FTSE thêm mới
28	DPM	0.67%	0.76%	0.34	155,438	1.08%	1.14%	0.25	122,939	0.59	278,377	
29	HDG	0.72%	0.74%	0.07	31,443	0.00%	0.00%	0.00	-	0.07	31,443	
30	HSG	0.78%	0.70%	-0.30	(321,680)	0.68%	1.11%	1.70	1,845,972	1.39	1,524,292	
31	POW	0.59%	0.63%	0.17	281,348	0.95%	1.05%	0.39	649,416	0.56	930,764	
32	PVS	0.58%	0.57%	-0.05	(46,462)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.05)	(-46,462)	
33	VPI	0.56%	0.53%	-0.11	(38,039)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.11)	(-38,039)	
34	BCG	0.56%	0.52%	-0.16	(230,281)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.16)	(-230,281)	
35	PVD	0.53%	0.52%	-0.04	(47,907)	0.79%	0.74%	-0.19	(205,973)	(-0.23)	(-253,880)	
36	VIX	0.55%	0.50%	-0.19	(296,612)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.19)	(-296,612)	
37	SBT	0.48%	0.49%	0.04	49,908	0.74%	0.67%	-0.29	(377,969)	(-0.25)	(-328,061)	
38	BVH	0.49%	0.49%	-0.01	(2,303)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.01)	(-2,303)	
39	TCH	0.46%	0.43%	-0.10	(191,138)	0.57%	0.63%	0.25	489,521	0.15	298,383	
40	KDH	0.45%	0.43%	-0.08	(46,052)	1.81%	2.26%	1.79	1,099,472	1.71	1,053,420	
41	HNG	0.45%	0.42%	-0.11	(363,699)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.11)	(-363,699)	
42	VCG	0.45%	0.40%	-0.18	(186,583)	0.77%	0.56%	-0.83	(850,616)	(-1.01)	(-1,037,199)	
43	ITA	0.41%	0.38%	-0.11	(330,957)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.11)	(-330,957)	
44	APH	0.20%	0.18%	-0.07	(128,282)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-0.07)	(-128,282)	
45	CEO	0.56%	0.00%	-2.21	(1,520,200)	0.00%	0.00%	0.00	-	(-2.21)	(-1,520,200)	MVIS loại
46	PLX	0.00%	0.00%	0.00	-	1.23%	0.71%	-2.05	(1,089,333)	(-2.05)	(-1,089,333)	

Nguồn: Fiinpro, Bloomberg, BSC Research



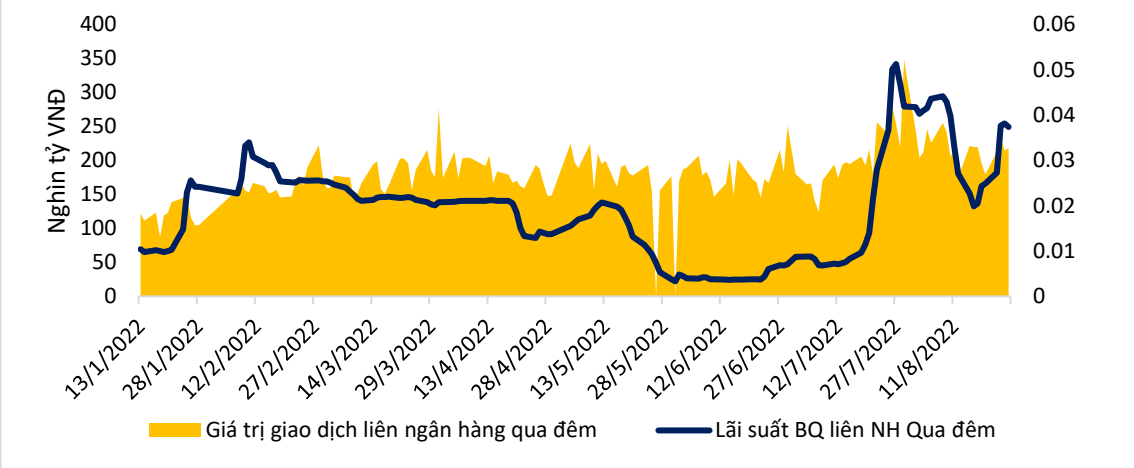
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị bán (tỷ VNĐ)	Giá trị đáo hạn (tỷ VNĐ)	Giá trị ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 32	8/8/2022	12/8/2022	9,700.0	58,899.5	-49,199.5
Tuần 33	8/15/2022	8/19/2022	103,729.6	9,700.0	94,029.6
Tuần 34	8/22/2022	8/26/2022	33,730.0	71,429.6	-37,699.6

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	3.52%	3.80%	3.83%	4.54%	4.86%	6.31%	7.02%
So với tuần trước	1.27%	1.18%	1.15%	0.08%	0.10%	0.03%	0.96%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	220,511	6,570	5,293	1,341	3,874	566	23
So với tuần trước	6.43%	-27.41%	180.60%	41.01%	7.45%	68.25%	109.09%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 25/08/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 34, 33.7 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành; 71.4 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu đáo hạn. Như vậy, SBV đã bơm ròng 37.7 nghìn tỷ đồng qua kênh tín phiếu. Trên thị trường liên ngân hàng, giao dịch qua đêm sôi động hơn so với tuần trước khi lãi suất và giá trị giao dịch đều tăng.

- Doanh số BQ LNH qua đêm: 220.5 nghìn tỷ VNĐ
- Lãi suất BQ LNH qua đêm: 3.52%



PTKT VN-INDEX: *Thận trọng khi VN-Index tiến về tâm lý 1,300 điểm*

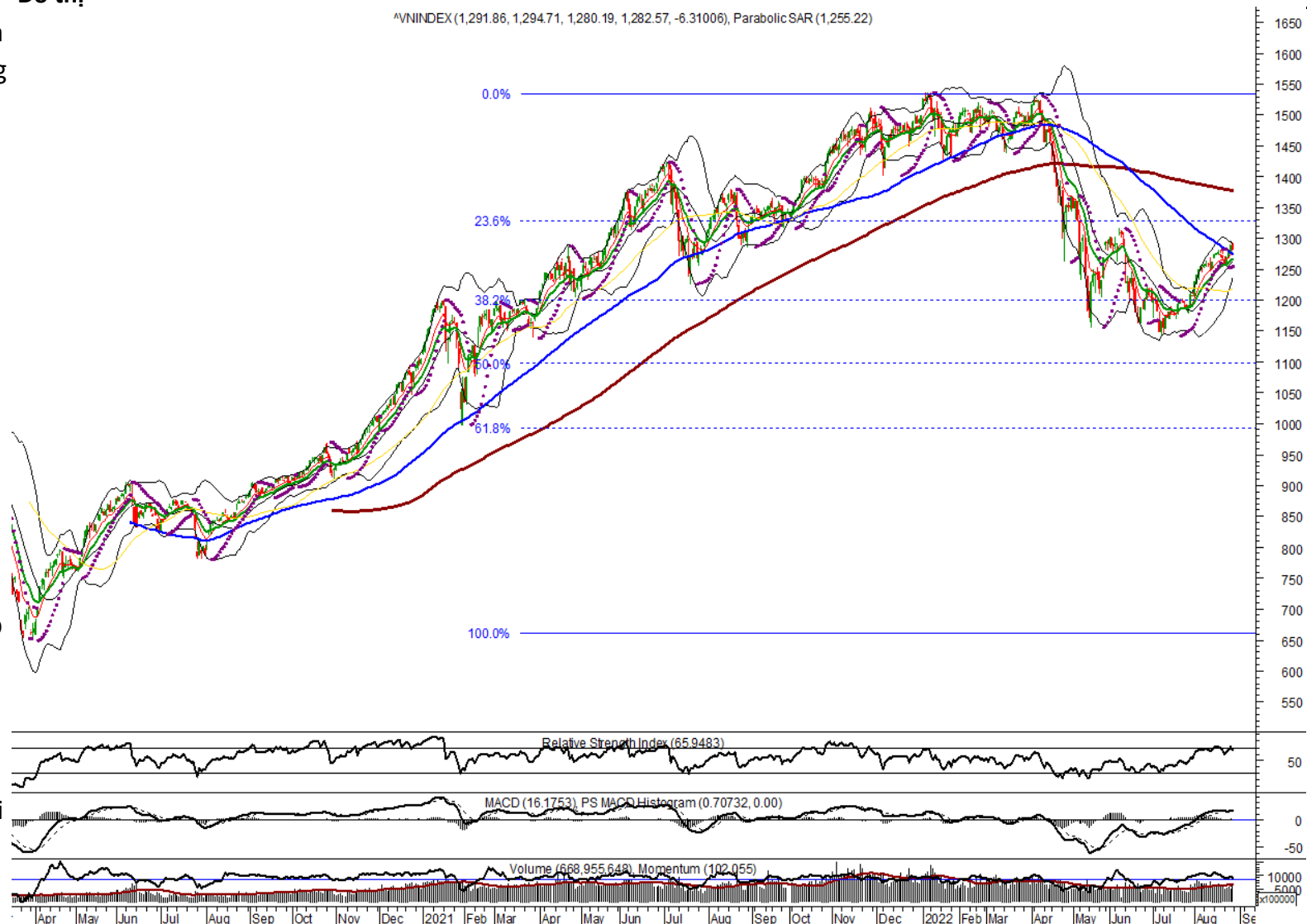
Đồ thị ngày: Sau phiên rung lắc đầu tuần, VN-Index liên tiếp có phiên tăng điểm chạy đà tốt với khối giao dịch trung bình đẩy chỉ số vượt qua SMA100, qua đó tiếp tục xác nhận xu hướng hồi phục ngắn hạn. Đường giá bị chặn lại bởi bollinger band trên và RSI cũng chạm ngưỡng mua quá rồi giảm lại vào phiên cuối tuần. Theo dõi diễn biến tăng giá 7 tuần qua, chỉ số lặp lại điệp khúc tăng giá, rồi tích lũy tạo nền hấp thụ lực bán và tiếp tục đạt đỉnh ngắn hạn mới. Diễn biến này tương đối phù hợp trong bối cảnh thanh khoản không có tăng trưởng và sự tăng giá phụ thuộc vào sự luân chuyển vốn qua các nhóm và ngành cổ phiếu.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI chạm vùng quá mua và giảm về mức 66 điểm.
- MACD vượt qua mức 0, thu hẹp khoảng cách với đường tín hiệu; Thanh khoản giữ ở mức trung bình.
- VN-Index đã vượt qua SMA100 đồ thị tuần (1,272 điểm) và đồ thị ngày (1,275 điểm).

Nhận định: Thị trường tuần này vẫn tăng điểm khá tích cực cho dù tiếp tục có những phiên rung lắc lấp gap. Các chỉ báo kỹ thuật đang diễn biến chậm và hình thành phân kỳ âm nhẹ với đường giá. Điều này cho thấy cần cẩn trọng về diễn biến thị trường trong tuần tới khi tiến về ngưỡng tâm lý và ngưỡng cản 1,300 – 1320 điểm tuần tới. Quan điểm thận trọng với diễn biến tuần tới trước khi nghỉ lễ và hoạt động chốt lãi theo kiểu ra tin là bán.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Trung Quốc tiếp tục nới lỏng CSTT*

VIỆT NAM:

- Chính Phủ: Kỳ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP, chính thức sáp nhập nhiều đơn vị trực thuộc Bộ GTVT, bỏ Tổng cục Đường bộ từ tháng 10.
- NHNN: Rút 17,630 tỷ đồng qua tín phiếu kỳ hạn 7 ngày và 28 ngày, nâng lãi suất vay qua đêm liên ngân hàng lên 3.77%/năm (+1.04 điểm % so với phiên trước).
- NHNN: Có Quyết định số 1453/QĐ-NHNN về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực hoạt động ngoại hối quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-NHNN.
- NHNN: Ban hành chỉ thị số 03 về việc triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách nhà nước 40,000 tỷ đồng.
- NHNN: Người dân mang gần 319,000 tỷ đồng gửi vào hệ thống ngân hàng (+6,02% so với đầu năm), tổng phương tiện thanh toán đạt hơn 13.9 triệu tỷ đồng (+ 3.78% so với cuối năm 2021).
- Bộ Tài chính: Nhà đầu tư cá nhân nắm giữ tới 32.6% lượng trái phiếu doanh nghiệp toàn thị trường.
- Bộ Tài chính: Nợ công Việt Nam giảm dần trong 5 năm, từ mức 61.4% năm 2017 về 43.1% GDP vào năm 2021 (tương đương 157 tỷ USD).
- Bộ Tài chính: Dự báo CPI bình quân năm 2022 tăng trong khoảng 3.37 - 3.87%, cao hơn so với mức dự báo 3.4% - 3.7% của Tổng cục Thống kê.
- Bộ Tài chính: Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 8T ước đạt gần 39.2% kế hoạch năm, thấp hơn so với mức 40.6% của cùng kỳ năm ngoái.
- Bộ Công thương: Công bố kịch bản tăng trưởng Q3, Q4; dự kiến 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp đạt 9.5%, tốc độ tăng trưởng XK đạt 9.5% và NK đạt 10.3%, xuất siêu đạt 1 tỷ USD.
- Bộ Công thương: Dự báo kim ngạch XK cả năm 2022 ước đạt khoảng 368 tỷ USD, tăng khoảng 9.46% so với năm 2021.
- Liên bộ Công Thương - Tài chính: Từ 15 giờ ngày 22/8, giá xăng trong nước được giữ nguyên như hiện hành; trong khi đó, dầu diesel tăng 850 đồng/lít; dầu hỏa tăng 730 đồng/lít.
- Bộ GTVT: Phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải với tổng mức đầu tư 1,414 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán: Từ 25/8, NĐT có thể bán chứng khoán mua ngày T+0 ngay trong phiên giao dịch chiều ngày T+2.
- Hiệp định thương mại Pakistan - Thổ Nhĩ Kỳ sẽ khiến Việt Nam bị ảnh hưởng bởi 13 dòng thuế, dự báo kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Pakistan giảm 2%.

THẾ GIỚI:

- Mỹ: Theo cuộc khảo sát của NABE, 72% chuyên gia dự báo một cuộc suy thoái kinh tế sẽ bắt đầu trước giữa năm 2023.
- Mỹ: EIA thông báo tổng xuất khẩu dầu của Hoa Kỳ đạt mức kỷ lục 11.076 triệu thùng/ngày vào tuần trước.
- Trung Quốc: PBoC cắt giảm lãi suất khoản vay kỳ hạn 5 năm từ 4.45% xuống 4.3%, khoản vay kỳ hạn 1 năm giảm từ 3.7% xuống 3.65%.
- Trung Quốc: Công bố gói giải pháp hỗ trợ mới bao gồm 19 điểm với quy mô lên tới 1,000 tỷ nhân dân tệ (~146 tỷ USD) nhằm thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng.
- EU: Đối mặt với tình trạng hạn hán tồi tệ nhất trong 500 năm, dự báo thu hoạch ngô giảm 16%, đậu tương giảm 15% và hoa hướng dương giảm 12% so với mức trung bình 5 năm trước.
- EU: Đồng euro đạt giá trị thấp nhất trong 5 tuần, quanh ngưỡng 1 USD, do Fed tiếp tục tăng lãi suất.
- Anh: Citigroup dự báo lạm phát tại Anh có thể vượt 18% lần đầu tiên sau hơn nửa thế kỷ do giá năng lượng tăng cao.
- Nga: XK dầu thô cho Trung Quốc đạt 7.15 triệu tấn trong T7, Nga tiếp tục là nhà cung cấp dầu mỏ số 1 trong 3 tháng liên tiếp.
- Nga: Đứng thứ 3 trong danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Trung Quốc sử dụng đồng Nhân dân tệ nhiều nhất trong thanh toán quốc tế.
- Đức: Thống đốc NHTW cảnh báo lạm phát có thể lên hơn 10% do thiếu năng lượng, mức cao nhất trong 70 năm qua.
- Singapore: Lạm phát lõi - không tính giá vận tải cá nhân và nhà ở - đạt 4.8% trong T7, mức cao nhất trong gần 14 năm.
- Thổ Nhĩ Kỳ: Giảm lãi suất điều hành 1% xuống 13% dù lạm phát đạt ngưỡng gần 80%.
- OPEC+: T7 không đạt được mục tiêu sản lượng, bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia cho biết OPEC+ có thể cắt giảm sản lượng để kéo giá dầu lên.
- Hàn Quốc: BOK nâng lãi suất cơ bản lên 2.5%, cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 từ 2.7% xuống 2.6%.
- BRICS: Nga và Ấn Độ không cần USD trong thương mại và sẽ chuyển sang dùng nội tệ hai nước khi thanh toán.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

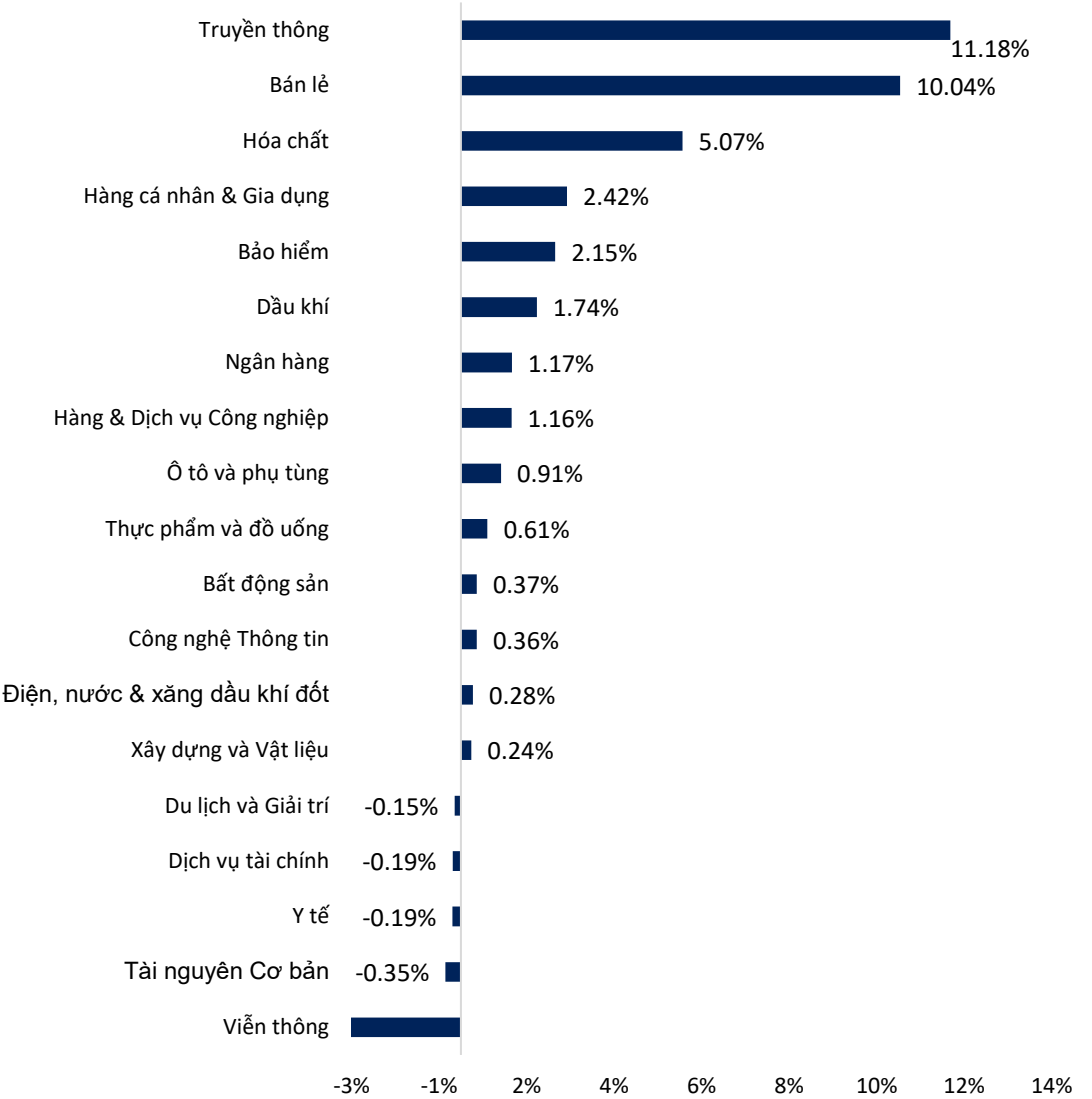
- Thông tin vĩ mô quốc tế và biến động của thị trường chủ chốt.
- VKY nghỉ Lễ 2/9, Giao dịch chứng khoán vào chiều ngày T+2 bắt đầu từ ngày 29/8/2022.
- Ngày 29/8, Doanh thu bán lẻ Đức. 30/8, Tỷ lệ thất nghiệp Nhật Bản, CPI Đức; GDP Pháp; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 31/8, PMI Trung Quốc; Doanh thu bán lẻ, niềm tin tiêu dùng Nhật Bản; CPI EU; Thay đổi bản lương phi nông nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 1/9, PMI và tỷ lệ thất nghiệp EU; Cuộc họp OPEC; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và PMI Hoa Kỳ. 2/9, Tỷ lệ thất nghiệp và đơn đặt hàng nhà máy Hoa Kỳ.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Truyền thông	5.15%	11.18%	14.35%	YEG	-0.66%	
Bán lẻ	3.96%	10.04%	14.56%	MWG	12.64%	PNJ 3.33%
Hóa chất	-0.64%	5.07%	9.68%	DRC	0.84%	DGC 3.32%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.44%	2.42%	5.73%	TCM	-0.37%	TNG -1.26%
Bảo hiểm	0.05%	2.15%	6.02%	BVH	2.15%	PVI 3.16%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	93.06	0.58%	2.90%	-2.34%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	100.99	1.66%	4.41%	-0.67%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	285.13	1.39%	-5.51%	-9.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,738.14	-1.17%	-0.51%	0.23%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	18.90	-1.83%	-0.79%	-1.00%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,461.25	2.10%	4.08%	3.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	805.25	2.06%	4.44%	-0.40%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.76	1.96%	3.80%	0.10%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	225.40	0.27%	-0.27%	-5.93%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	18.47	3.18%	2.10%	6.15%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	238.10	-0.58%	11.60%	10.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,160.50	0.39%	1.02%	6.85%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,078.00	-0.07%	-0.07%	4.97%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,493.50	2.47%	4.51%	2.93%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	724.00	1.47%	1.47%	5.69%		HPG
Than đá	USD/MT	419.85	2.40%	-3.46%	5.32%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	588.49	0.12%	0.12%	3.18%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
MWG	12.64%	3.01
BCM	13.13%	2.76
VCB	1.98%	1.92
VNM	3.78%	1.49
GVR	4.96%	1.22
SSB	3.68%	0.58
MBB	2.61%	0.58
NVL	1.22%	0.50
EIB	5.05%	0.47
DCM	10.78%	0.46
Tổng		12.99

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-4.27%	-2.81
SAB	-3.59%	-1.14
HPG	-1.05%	-0.37
VRE	-1.54%	-0.27
PDR	-2.26%	-0.22
CMG	-11.50%	-0.22
VCF	-11.78%	-0.21
GAS	-0.35%	-0.19
SSI	-1.39%	-0.18
LGC	-6.97%	-0.17
Tổng		-5.77

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	465.94	54.78
MSN	132.89	28.84
PVD	132.38	7.58
SHB	76.05	4.22
GMD	43.64	46.76
VHC	38.84	27.50
FTS	35.03	20.68
QNS	28.56	18.25
NLG	27.53	40.81
HDG	23.87	13.75
Tổng	1,004.74	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
KBC	-145.81	18.37
SSI	-93.81	35.50
DGC	-92.25	13.67
HPG	-82.62	20.52
BSR	-73.88	41.13
VHM	-64.40	23.14
PHR	-62.18	13.61
VCB	-61.22	23.52
TLG	-60.06	21.78
VIC	-57.09	12.24
Tổng	-793.33	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
POW	100.8202	100.2495	5.56%
VNM	109.1792	103.086	19.86%
BVH	107.41	100.302	13.77%
BID	103.7035	103.925	23.32%
CTG	102.1953	103.8905	12.67%
PDR	100.0424	101.9909	12.60%
SAB	113.3575	101.0804	22.88%
NVL	107.0546	100.1799	7.48%
HDB	102.8546	100.8891	7.13%
KDH	98.36593	101.7602	3.39%
PLX	94.84504	100.9602	3.57%
VIB	94.82538	102.4531	4.74%
TPB	91.16791	100.2366	2.71%
MBB	98.86075	100.2627	3.36%
TCB	97.68908	103.5336	8.37%
GVR	92.91327	103.3431	4.53%
SSI	83.62857	106.7233	-4.58%
STB	97.31956	107.0651	18.68%
VJC	104.7273	97.53151	-3.15%
FPT	109.997	95.36216	-6.29%
VRE	101.1376	98.83167	-3.67%
MSN	102.3738	99.18404	3.69%
MWG	103.3062	93.90453	3.14%
ACB	105.0169	99.78051	3.77%
VCB	104.9873	99.77496	7.98%
GAS	107.7529	95.56906	0.29%
VHM	98.82781	97.64156	-13.11%
VIC	97.9302	97.02747	-14.92%
HPG	87.25856	98.45471	-7.03%
VPB	97.42012	99.60887	2.76%

Hồi
phục

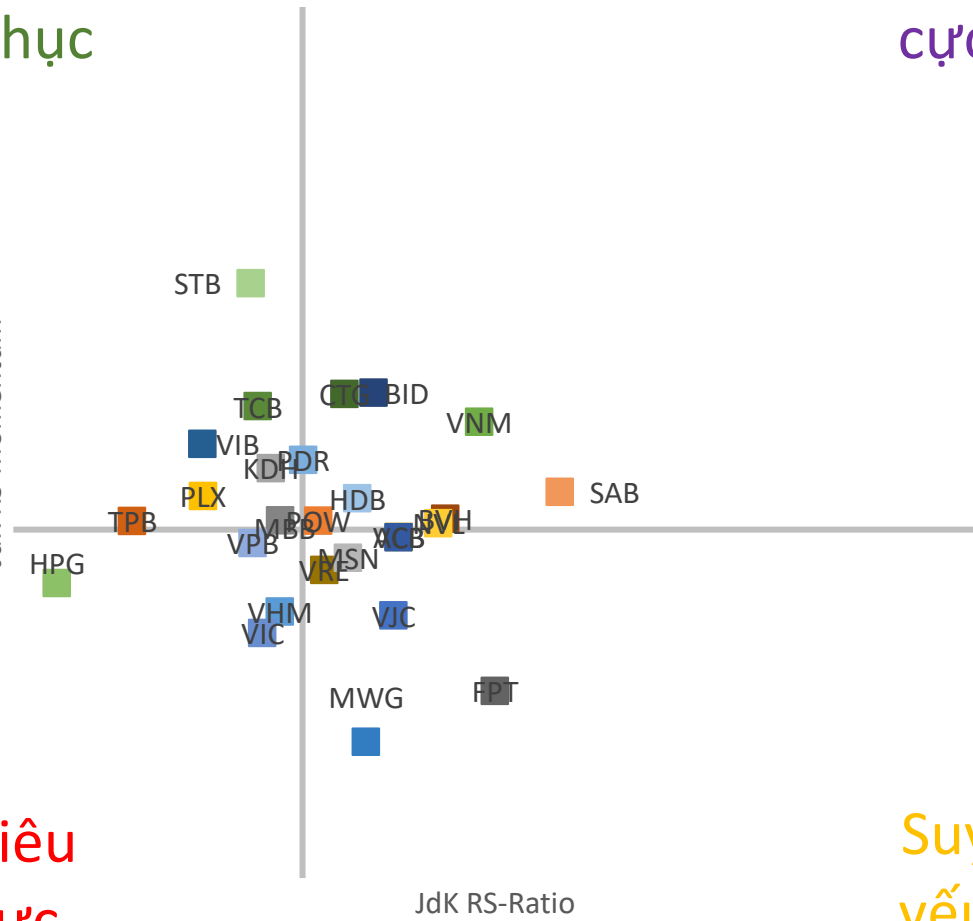
Tích
cực

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

Suy
yếu

CP VN30 vs. VN-Index



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	600.68	3,481.15	22,024.16
Giá trị bán	661.52	3,915.95	20,386.71
Mua / bán ròng	-60.84	-434.79	1,637.47
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	113.61	1,052.64	8,860.42
Giá trị bán	217.18	1,637.31	8,223.18
Mua / bán ròng	-103.57	-584.67	637.24
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
VPB	77.49	MWG	-158.29
FUEVFNVD	52.16	MSN	-77.00
E1VFN30	50.43	GAS	-76.14
NLG	17.12	TCB	-59.33
TCD	13.33	FUEKIV30	-48.68
IDC	11.79	DXG	-45.31
NAB	11.41	PVT	-43.53
DBC	9.89	STB	-32.20
S99	7.64	POW	-29.83
IJC	7.00	HPG	-24.87

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
E1VFN30	342.54	0.98	-1.01	-3.26%	-4.95	-12.65	-22.51
FUEMAVN30	30.08	0.68	0.00	-3.63%	1.01	0.99	0.99
FUESSVFL	149.26	0.81	0.00	-2.13%	0.40	9.27	15.55
FUESSVN30	3.85	0.71	0.00	-2.67%	0.0	0.0	0.0
FUEVFNVD	786.12	1.23	-0.08	-3.73%	-1.8	-36.8	50.5
FUEVN100	11.11	0.75	0.00	-2.66%	0.0	0.4	2.3
FTSE Vietnam	312.68	35.40	0.00	-1.68%	0.5	34.5	33.7
FUBON FTSE	605.19	0.49	0.50	0.61%	1.0	11.8	96.3
iShare	358.65	27.91	0.00	-1.79%	0.0		-23.5
KIM	128.43	16.05	0.00	-0.21%	0.0	-3.15	-4.73
PREMIA	25.64	10.26	0.00	-0.68%	0.00	2.21	2.19
VNM	386.01	15.38	0.00	-0.25%	0.00	1.53	-14.37

Nhận định: Khối ngoại bán ròng trong tuần. Các ETF giao dịch trái chiều, ETF MiraeVN30, Finlead, FTSE Vietnam, Fubon tăng quy mô trong khi ETF E1, Diamond giảm quy mô. Trong tuần khối ngoại mua ròng ở nhiều thị trường ngoại trừ thị trường Philippines, Đài Loan và Vietnam.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

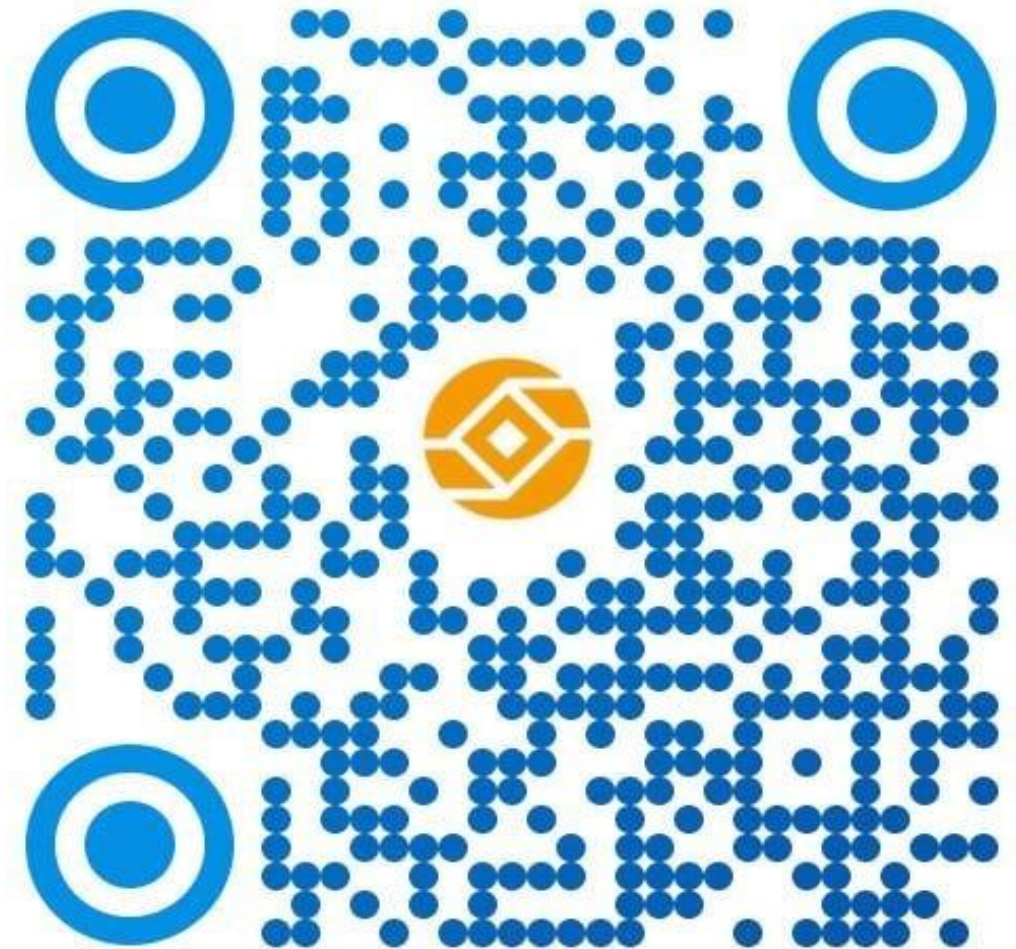
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

